

Số: 1387/TB-BV

Quận 1, ngày 12 tháng 09 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính mời: Các nhà cung cấp dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam

Để có cơ sở xây dựng giá kế hoạch mua sắm thiết bị y tế, Bệnh viện Quận 1 kính mời các đơn vị có chức năng thẩm định giá cung cấp báo giá với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Quận 1
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Người nhận: Nguyễn Minh Thành
 - SĐT: 028.38.203.965
- Cách tiếp nhận báo giá:

Thực hiện gửi hồ sơ báo giá (có đóng dấu và ký tên) và bản điện tử (file word/excel + file PDF scan từ bản giấy có đóng dấu và ký tên) về địa chỉ sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Kế hoạch tổng hợp (Phòng 305) lầu 3 – số 338 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Quận 1. Tp.HCM;
- Nhận qua email: dauthaubenhvienquan1@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 phút ngày 13 tháng 09 năm 2024 đến 8 giờ 00 phút ngày 23 tháng 09 năm 2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm này sẽ không được xem xét.

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 23 tháng 09 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Dịch vụ thẩm định giá các thiết bị y tế như sau:

STT	DANH MỤC	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	MÔ TẢ YÊU CẦU KỸ THUẬT
1	Máy gây mê giúp thở	Cái	01	Theo phụ lục 01 đính kèm
2	Máy cắt đốt tần số sóng vô (Radio Frequency)	Cái	01	
3	Máy điều trị bằng kích thích điện	Cái	01	
4	Máy kéo dẫn cột sống kỹ thuật số	Cái	01	
5	Bơm tiêm điện	Cái	01	
6	Máy laser điều trị	Cái	01	
7	Máy lấy cao răng	Cái	01	

STT	DANH MỤC	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	MÔ TẢ YÊU CẦU KỸ THUẬT
8	Máy hút dịch	Cái	01	
9	Máy khoan xương pin	Cái	02	
10	Máy theo dõi SpO2 cầm tay	Cái	01	
11	Bộ dụng cụ phẫu thuật chi trên tầng cường	Bộ	01	
12	Bộ dụng cụ phẫu thuật chi dưới tầng cường	Bộ	01	

2. Các thông tin khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- Bảng báo giá của nhà cung cấp dịch vụ thẩm định giá (có ký tên, đóng dấu) theo phụ lục 02.

- Hồ sơ năng lực của nhà cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

Bệnh viện Quận 1 kính mời các đơn vị có chức năng thẩm định giá cung cấp báo giá theo thông báo trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: VT, P.KHTH.



GIÁM ĐỐC

(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Thành Tâm



PHỤ LỤC 01



(Đính kèm Thông báo số 1387/TB-BV ngày 12 tháng 09 năm 2024 của Bệnh viện Quận 1)

STT	MÔ TẢ THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
1. MÁY GÂY MÊ GIÚP THỞ		CÁI	01
I	Thông tin chung		
	- Thiết bị được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%, chưa qua sử dụng. - Thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Nguồn điện hoạt động: Trong khoảng 100-240V, 50Hz hoặc 60Hz. - Môi trường hoạt động: phù hợp với khí hậu Việt Nam.		
II	Cấu hình thiết bị		
	- Máy gây mê giúp giúp thở với màn hình chính: 01 cái - Phụ kiện tiêu chuẩn theo máy: + Cảm biến oxy: 01 cái + Cảm biến lưu lượng: 02 cái + Cánh tay treo bóng bóp: 01 cái + Bình hấp thụ vôi soda: 01 cái + Dây thải thừa khí mê: 01 cái + Bộ dây cấp khí Oxy: 01 cái + Bộ dây cấp khí nén: 01 cái + Bộ dây cấp khí N2O: 01 cái + Bộ làm ấm khối thở tích hợp theo máy: 01 bộ + Bộ dây thở cho người lớn, sử dụng nhiều lần: 01 bộ + Bộ dây thở cho trẻ em, sử dụng nhiều lần: 01 bộ + Mặt nạ gây mê cho người lớn, sử dụng nhiều lần: 01 cái + Mặt nạ gây mê cho trẻ em, sử dụng nhiều lần: 01 cái + Bình bốc hơi: 01 bình + Module EtCO2: 01 bộ + Bình vôi soda 05 lít: 01 bình + Phổi giả: 01 cái + Xe đẩy có ngăn kéo, có phanh hãm được thiết kế đồng bộ với máy chính: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ		
III	Đặc tính kỹ thuật		
	1. Tính năng chung: - Máy gây mê giúp thở sử dụng được cho người lớn, trẻ em và sơ sinh. - Thân máy chính và các phụ kiện tích hợp trên xe đẩy. - Theo dõi được CO2. - Tích hợp bộ gia nhiệt và bão nước trên bộ hấp thụ CO₂ - Hệ thống báo động bằng âm thanh và hình ảnh. - Thực hiện thao tác gây mê và giúp thở bằng tay (bóp bóng) trong trường hợp mất nguồn điện chính và pin bị lỗi. - Theo dõi các thông số cơ học phổi như sức cản đường thở, độ giãn nở phổi động.		

- Thời gian sử dụng pin tự sạc trong máy: ≥ 120 phút. 2. Tính năng kỹ thuật: + Bộ phận máy thở: - Máy thở sử dụng công nghệ Piston hoặc bóng xếp hoặc tương đương. - Các chế độ thở: + Chế độ thông khí kiểm soát thể tích hoặc tương đương. + Chế độ thông khí kiểm soát áp lực hoặc tương đương. + Chế độ bóp bóng bằng tay hoặc tương đương. + Chế độ bệnh nhân tự thở hoặc tương đương. + Dải điều chỉnh các thông số máy thở: - Khoảng cài đặt thể tích khí lưu thông (Vt): từ ≤ 50 ml đến ≥ 1500 ml. - Khoảng cài đặt tần số thở: từ ≤ 1 nhịp/phút đến ≥ 100 nhịp/phút. - Áp lực dương cuối kỳ thở ra (PEEP): từ 0 đến ≥ 20 cmH₂O. - Tỷ lệ thở vào thở ra (Ti:Te): $\leq 4:1$ đến $\geq 1:10$. - Khoảng cài đặt ngưỡng ngắt kỳ thở vào: từ 0% đến $\geq 60\%$. - Khoảng cài đặt áp lực hỗ trợ: từ 0 cmH₂O đến ≥ 70 cmH₂O. - Khoảng cài đặt kiểm soát áp lực: từ ≤ 5 cmH₂O đến ≥ 70 cmH₂O. - Trigger áp lực: từ 0 đến ≥ 20 cmH₂O. - Trigger lưu lượng: từ ≤ 0.5 lít/phút đến ≥ 20 lít/phút. - Khoảng cài đặt ngưỡng ngắt kỳ thở vào: từ 0 đến $\geq 60\%$ + Thông số theo dõi: - Thể tích khí lưu thông: từ 0 đến ≥ 2500ml - Thông khí phút: từ 0 đến ≥ 60 lít/phút - Tần số thở: từ ≤ 1 nhịp/phút đến ≥ 100 nhịp/phút. - Tỷ lệ thở vào thở ra (Ti:Te): $\leq 30:1$ đến $\geq 1:150$ - Áp lực dương cuối kỳ thở ra (PEEP): 0 đến ≥ 100 cmH₂O - EtCO₂: ≤ 10 đến ≥ 150 mmHg + Màn hình hiển thị: - Màn hình kích thước ≥ 8 inch - Dải hiển thị thể tích phút thở ra: từ 0 lít/phút đến ≥ 60 lít/phút - Thể tích thở vào và thở ra được đo và hiển thị trên màn hình. - Theo dõi thông số: ≥ 7 thông số + Tổng thể tích thở ra. + Thể tích thở ra mỗi phút. + Tần số thở. + Áp lực đỉnh đường thở. + Áp lực PEEP. + Áp lực trung bình + Áp lực bình nguyên. + Bộ phận máy gây mê: - Thể tích bình hấp thụ: $\geq 1,5$ lít - Cung cấp O₂ khẩn cấp (O₂ flush): ≥ 75 lít/phút + Bộ phận bình bốc hơi - Thể tích thuốc mê chứa được: ≥ 250 ml		
---	--	--

	- Dải nhiệt độ môi trường từ 0 đến ≥ 40 độ C. - Lưu lượng hoạt động: từ ≤ 0.2 đến ≥ 15 lít/ phút + Hệ thống xe đẩy: - Di chuyển bằng 4 bánh xe, có phanh hãm. - Ngăn kéo đựng dụng cụ: ≥ 2 ngăn. - Bàn ghi chép cho bác sĩ: ≥ 1 bàn.		
IV	Yêu cầu khác:		
	- Thời gian bảo hành thiết bị: 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu. - Bảo trì miễn phí trong thời gian bảo hành: 3 tháng/lần. - Thời gian cung cấp thiết bị: trong thời gian 90 ngày. - Nhà thầu lắp đặt; chạy thử; bàn giao; đào tạo; hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo quản thiết bị tại nơi sử dụng. - Cung cấp CO, CQ, Bộ chứng từ nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu khi bàn giao hàng hóa. - Cung cấp bản phân loại trang thiết bị y tế. - Cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế ít nhất 07 năm sau khi hết hạn bảo hành. - Yêu cầu kiểm định thiết bị y tế theo thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.		
2. MÁY CẮT ĐÓT TẦN SỐ SỐNG VÔ TUYẾN (RADIO FREQUENCY)		CÁI	01
I	Yêu cầu chung		
	- Thiết bị được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%, chưa qua sử dụng. - Thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Nguồn điện hoạt động: Trong khoảng 100-240V, 50Hz hoặc 60Hz. - Môi trường hoạt động: phù hợp với khí hậu Việt Nam.		
II	Yêu cầu cấu hình		
	- Máy chính: 01 cái - Phụ kiện tiêu chuẩn theo máy: + Hộp điều khiển lưu lượng nước: 01 cái + Bàn đạp điều khiển bằng chân: 01 cái + Đầu cắt Amidan và nạo V.A: 01 cái + Đầu cắt ngáy: 01 cái + Đầu đốt cuống mũi: 01 cái + Dây nguồn: 01 cái + Xe đẩy máy có khóa: 01 chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ		
III	Chỉ tiêu kỹ thuật		
	1. Máy chính: - Màn hình LED hiển thị công suất cắt và đốt, điều khiển bằng vi xử lý, hiển thị các thông số cắt và đốt cho từng loại phẫu thuật.		

	- Ứng dụng công nghệ Plasma trong cắt đốt tai mũi họng. - Đầu cắt tương ứng cho từng loại phẫu thuật. - Tần số đốt: ≥ 100 kHz. - Điện áp: Trong khoảng 0 – 300 Vrms. - Công suất cắt lớn nhất: ≥ 400 W. - Công suất đốt lớn nhất: ≥ 50 W. - Nhiệt độ cắt đốt: Trong khoảng 40°C – 70°C. 2. Đầu cắt Amidan và nạo V.A: - Đầu thẳng, có thể uốn cong, chiều dài ≥ 15cm. - Yêu cầu cấu tạo: có 3 điện cực kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận hút. - Yêu cầu chức năng: ≥ 4 chức năng (cắt, cầm máu, tưới nước, hút). - Yêu cầu đầu cắt là loại lưỡng cực, có đường hút và có đường cấp nước. 3. Đầu cắt ngáy: - Khả năng tạo trường plasma dịch nội bào trong mô để duy trì trường plasma trong suốt quá trình tạo kênh. 4. Đầu đốt cuống mũi: - Đầu đốt cuống mũi uốn cong. - Đầu đốt có chia vạch xác định độ sâu đưa vào trong cuống mũi.		
IV	Yêu cầu khác:		
	- Thời gian bảo hành thiết bị: 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu. - Bảo trì miễn phí trong thời gian bảo hành: 3 tháng/lần. - Thời gian cung cấp thiết bị: trong thời gian 90 ngày. - Nhà thầu lắp đặt; chạy thử; bàn giao; đào tạo; hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo quản thiết bị tại nơi sử dụng. - Cung cấp CO, CQ, Bộ chứng từ nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu khi bàn giao hàng hóa. - Cung cấp bản phân loại trang thiết bị y tế. - Cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế ít nhất 07 năm sau khi hết hạn bảo hành. - Yêu cầu kiểm định thiết bị y tế theo thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.		
3. MÁY ĐIỀU TRỊ BẰNG KÍCH THÍCH ĐIỆN		CÁI	01
I	Yêu cầu chung		
	- Thiết bị được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%, chưa qua sử dụng. - Thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Nguồn điện hoạt động: Trong khoảng 100-240V, 50Hz hoặc 60Hz. - Môi trường hoạt động: phù hợp với khí hậu Việt Nam.		
II	Yêu cầu cấu hình		

	- Máy chính: 01 cái - Phụ kiện tiêu chuẩn theo máy: + Dây nguồn + Adaptor: 01 cái + Cáp điện cực: 02 dây + Dây đai định vị: 01 bộ + Điện cực kích thước 70x50mm ± 5%: 04 cái + Bút cảm ứng: 01 cây + Bao xốp điện cực kích thước 70x50mm ± 5%: 04 cái + Xe đẩy theo máy: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ		
III	Chỉ tiêu kỹ thuật		
	1. Tính năng chung: - Màn hình cảm ứng - Cài đặt password bảo mật cho máy - Khả năng nhận diện phụ kiện mà không cần cài đặt - Tìm nhanh các chương trình điều trị cài đặt sẵn bằng tên hoặc mã số - Lưu chương trình điều trị do người sử dụng cài đặt - Lưu lại thông tin người bệnh. - Xem các chương trình đã sử dụng gần nhất - Tạo chuỗi điều trị tuần tự theo ý người dùng. - Các chế độ cài đặt: + Dòng điện không đổi + Điện áp không đổi 2. Thông số kỹ thuật: - Màn hình cảm ứng kích thước ≥ 4 inches - Số kênh trị liệu: Max ≥ 2 kênh - Dòng ngõ ra: Max $\geq 140\text{mA}$ - Áp ngõ ra: $\geq 200\text{V}$ - Thời gian điều trị: từ 0 đến ≥ 100 phút - Các dòng điện có sẵn: ≥ 15 (Gavanic, Diadynamic, Traebert, Dòng điện Faradic, Dòng điện Neofaradic, Kích thích bằng điện kiểu Nga, Các xung kích thích, Các xung chữ nhật, TENS đối xứng, không đối xứng, giao thoa 2-cực, giao thoa 4- cực, Các xung tam giác, Các xung hàm số mũ, Các xung hàm số mũ tăng, Các xung kết hợp,..hoặc tương đương)		
IV	Yêu cầu khác:		
	- Thời gian bảo hành thiết bị: 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu. - Bảo trì miễn phí trong thời gian bảo hành: 3 tháng/lần. - Thời gian cung cấp thiết bị: trong thời gian 90 ngày. - Nhà thầu lắp đặt; chạy thử; bàn giao; đào tạo; hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo quản thiết bị tại nơi sử dụng. - Cung cấp CO, CQ, Bộ chứng từ nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu khi bàn giao hàng hóa. - Cung cấp bản phân loại trang thiết bị y tế. - Cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế ít nhất 07 năm sau khi hết hạn bảo hành.		

	- Cung cấp báo giá bảo trì, phụ kiện chính hãng có giá không đổi trong thời gian ít nhất 3 năm sau bảo hành		
4. MÁY KÉO DẪN CỘT SỐNG KỸ THUẬT SỐ		CÁI	01
I	Yêu cầu chung		
	- Thiết bị được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%, chưa qua sử dụng. - Thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Nguồn điện hoạt động: Trong khoảng 100-240V, 50Hz hoặc 60Hz. - Môi trường hoạt động: phù hợp với khí hậu Việt Nam.		
II	Yêu cầu cấu hình		
	- Máy chính: 01 cái - Phụ kiện tiêu chuẩn theo máy: + Giường bệnh nhân: 01 cái. + Gối nằm: 01 cái + Kê chân: 01 cái + Dây đai cổ: 01 cái + Dây đai ngực: 01 cái + Dây đai lưng: 01 cái + Công tắc dừng khẩn cấp: 01 cái. + Thanh móc dây kéo: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ		
III	Chỉ tiêu kỹ thuật		
	1. Tính năng chung: - Hệ thống kéo dẫn cột sống cho cả ba phần của cột sống: Cổ, ngực, lưng - Thực hiện dừng khẩn cấp khi cần thiết. - Chế độ hoạt động: ≥ 2 chế độ + Liên tục + Gián đoạn 2. Thông số kỹ thuật: - Công suất tiêu thụ: $\leq 200W$ - Lực kéo tối đa: $\geq 80kg$ - Thời gian trị liệu: từ 1 đến ≥ 99 phút - Thời gian giữ/ chờ: từ 1 đến ≥ 99 giây		
IV	Yêu cầu khác:		
	- Thời gian bảo hành thiết bị: 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu. - Bảo trì miễn phí trong thời gian bảo hành: 3 tháng/lần. - Thời gian cung cấp thiết bị: trong thời gian 90 ngày. - Nhà thầu lắp đặt; chạy thử; bàn giao; đào tạo; hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo quản thiết bị tại nơi sử dụng. - Cung cấp CO, CQ, Bộ chứng từ nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu khi bàn giao hàng hóa. - Cung cấp bản phân loại trang thiết bị y tế. - Cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế ít nhất 07 năm sau khi hết hạn bảo hành.		

	- Cung cấp bảo giá bảo trì, phụ kiện chính hãng có giá không đổi trong thời gian ít nhất 3 năm sau bảo hành		
5. BƠM TIÊM ĐIỆN		CÁI	01
I	Yêu cầu chung		
	- Thiết bị được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%, chưa qua sử dụng. - Thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Nguồn điện hoạt động: Trong khoảng 100-240V, 50Hz hoặc 60Hz. - Môi trường hoạt động: phù hợp với khí hậu Việt Nam.		
II	Yêu cầu cấu hình		
	- Máy chính: 01 cái - Phụ kiện tiêu chuẩn theo máy: + Dây nguồn: 01 cái. + Kẹp cọc truyền: 01 cái. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ		
III	Chỉ tiêu kỹ thuật		
	- Màn hình: ≥ 4 inch. - Sử dụng được các loại bơm tiêm: 5mL, 10mL, 20mL, 30mL, 50/60 mL. - Tốc độ tiêm: + Từ 0,01 đến $\geq 150\text{mL/giờ}$ (sử dụng cho bơm tiêm 5mL) + Từ 0,01 đến $\geq 300\text{mL/giờ}$ (sử dụng cho bơm tiêm 10mL, 20mL, 30mL) + Từ 0,01 đến $\geq 1200\text{mL/giờ}$ (sử dụng cho bơm tiêm 50/60mL) - Bước đặt: + Tốc độ tiêm từ 0,01 – 10mL/giờ: $\geq 0,01\text{mL/giờ}$. + Tốc độ tiêm từ 10 – 100mL/giờ: $\geq 0,1 \text{ mL/giờ}$. + Tốc độ tiêm từ 100 – 1200mL/giờ: $\geq 1\text{mL/giờ}$. - Độ chính xác của tốc độ tiêm (với dòng chảy $\geq 1\text{mL/giờ}$): $\pm 1\%$. - Thể tích tiêm: + Với bước đặt 0,1mL: từ 0,1 đến $\geq 100\text{mL}$. + Với bước đặt 1mL: từ 100 đến $\geq 9999\text{mL}$. - Cài đặt thời gian tiêm: từ 1 phút đến ≥ 99 giờ 59 phút (bước đặt 1 phút). - Tốc độ tiêm nhanh: + Đối với bơm tiêm 5ml: $\geq 100\text{mL/giờ}$ + Đối với bơm tiêm 10ml, 20mL, 30mL: từ 100mL đến $\geq 100\text{mL/giờ}$. + Đối với bơm tiêm 50/60mL: từ 100mL đến $\geq 1200\text{mL/giờ}$. - Cài đặt thời gian tiêm nhanh: từ 1 giây đến ≥ 60 phút (bước đặt 1 giây). - Báo động trong các trường hợp: + Tắc đường truyền. + Gần hết dịch. + Sự cố nguồn. + Báo động lại.		

	+ Cảnh báo pin yếu. + Thông báo tắt máy. + Nhắc ấn phím START. + Không cài đặt tốc độ tiêm. + Lệnh vị trí đặt ống tiêm, lệnh pittong. - Yêu cầu về chức năng: + Màn hình hiển thị hướng dẫn lắp bơm tiêm. + Chuyển đổi kiểu bơm tiêm + Cài đặt thể tích dịch định tiêm + Cài đặt thời gian định tiêm + Điều chỉnh âm lượng chuông báo động		
IV	Yêu cầu khác:		
	- Thời gian bảo hành thiết bị: 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu. - Bảo trì miễn phí trong thời gian bảo hành: 3 tháng/lần. - Thời gian cung cấp thiết bị: trong thời gian 90 ngày. - Nhà thầu lắp đặt; chạy thử; bàn giao; đào tạo; hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo quản thiết bị tại nơi sử dụng. - Cung cấp CO, CQ, Bộ chứng từ nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu khi bàn giao hàng hóa. - Cung cấp bản phân loại trang thiết bị y tế. - Cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế ít nhất 07 năm sau khi hết hạn bảo hành. - Cung cấp báo giá bảo trì, phụ kiện chính hãng có giá không đổi trong thời gian ít nhất 3 năm sau bảo hành		
6. MÁY LASER ĐIỀU TRỊ		CÁI	01
I	Yêu cầu chung		
	- Thiết bị được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%, chưa qua sử dụng. - Thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Nguồn điện hoạt động: Trong khoảng 100-240V, 50Hz hoặc 60Hz. - Môi trường hoạt động: phù hợp với khí hậu Việt Nam.		
II	Yêu cầu cấu hình		
	- Máy chính : 01 cái - Phụ kiện tiêu chuẩn theo máy: + Hộp bảo vệ màn hình (30 cái/hộp): 01 hộp + Dây cáp dẫn quang: 01 sợi + Tay cầm phẫu thuật: 02 cái + Kính bảo hộ: 03 cái + Đầu mũi laser (30 mũi): 01 hộp + Bộ khởi tạo mũi laser: 01 bộ + Dây nguồn: 01 cái + Bàn đạp chân: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ		
III	Chỉ tiêu kỹ thuật		
	1. Máy chính: - Màn hình cảm ứng.		

	- Yêu cầu chức năng điều trị chính: ≥ 17 chức năng hoặc tương đương. + Phẫu thuật sinh thiết toàn phần và từng phần. + Phẫu thuật cắt thẳng lưỡi. + Phẫu thuật tạo hình nướu. + Phẫu thuật cắt nướu trùm. + Thủ thuật lấy tủy. + Thủ thuật lấy tủy hỗ trợ điều trị ống tủy. + Thủ thuật tạo hình tiền đình miệng. + Rạch mô mềm để bộc lộ răng ngầm. + Rạch và dẫn lưu áp xe. + Vát viền nướu để lấy dấu mào răng. + Cầm và đông máu. + Phục hồi implant + Điều trị giảm phì đại nướu + Xử lý mô mềm để kéo chiều dài thân răng. + Điều trị chứng đau loét miệng. + Cắt mô để lấy dấu răng. + Nạo mô mềm bằng laser. 2. Thông số kỹ thuật: - Bước sóng: $940\text{nm} \pm 10\text{nm}$. - Công suất đầu ra tối đa: $\geq 3\text{W}$. - Chế độ hoạt động: Liên tục, xung. - Chế độ xung: ≥ 5 chế độ. - Đường kính mũi laser: ≥ 3 đường kính. + $200\text{ }\mu\text{m}$ + $300\text{ }\mu\text{m}$ + $400\text{ }\mu\text{m}$ - Chu kỳ xung: từ $\leq 0.004\text{ ms}$ đến $\geq 20\text{ms}$. - Chiều dài cáp quang: $\geq 2\text{m}$.		
IV	Yêu cầu khác:		
	- Thời gian bảo hành thiết bị: 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu. - Bảo trì miễn phí trong thời gian bảo hành: 3 tháng/lần. - Thời gian cung cấp thiết bị: trong thời gian 90 ngày. - Nhà thầu lắp đặt; chạy thử; bàn giao; đào tạo; hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo quản thiết bị tại nơi sử dụng. - Cung cấp CO, CQ, Bộ chứng từ nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu khi bàn giao hàng hóa. - Cung cấp bản phân loại trang thiết bị y tế. - Cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế ít nhất 07 năm sau khi hết hạn bảo hành. - Cung cấp báo giá bảo trì, phụ kiện chính hãng có giá không đổi trong thời gian ít nhất 3 năm sau bảo hành		
7. MÁY CẠO VÔI RĂNG		CÁI	01
I	Thông tin chung		
	- Thiết bị được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%, chưa qua sử dụng.		

	- Thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Nguồn điện hoạt động: Trong khoảng 100-240V, 50Hz hoặc 60Hz. - Môi trường hoạt động: phù hợp với khí hậu Việt Nam.		
II	Cấu hình thiết bị		
	- Máy chính: 01 cái. - Phụ kiện tiêu chuẩn theo máy: + Tay cầm: 01 cái + Mũi cạo vôi: 03 cái + Dụng cụ mở mũi: 01 cái + Pedal: 01 cái + Dây nguồn + Adapter: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ		
III	Đặc tính kỹ thuật		
	- Sử dụng lấy vôi răng bằng tần số dao động - Dễ dàng điều chỉnh lượng nước làm mát và mức độ rung trong quá trình điều trị. - Áp suất nước: từ 1 đến 5 bar - Tần số dao động: $\geq 28 \text{ kHz}$ ($\pm 3 \text{ kHz}$).		
IV	Yêu cầu khác:		
	- Thời gian bảo hành thiết bị: 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu. - Bảo trì miễn phí trong thời gian bảo hành: 3 tháng/lần. - Thời gian cung cấp thiết bị: trong thời gian 90 ngày. - Nhà thầu lắp đặt; chạy thử; bàn giao; đào tạo; hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo quản thiết bị tại nơi sử dụng. - Cung cấp CO, CQ, Bộ chứng từ nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu khi bàn giao hàng hóa. - Cung cấp bản phân loại trang thiết bị y tế. - Cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế ít nhất 07 năm sau khi hết hạn bảo hành. - Cung cấp báo giá bảo trì, phụ kiện chính hãng có giá không đổi trong thời gian ít nhất 3 năm sau bảo hành		
8. MÁY HÚT DỊCH		CÁI	01
I	Thông tin chung		
	- Thiết bị được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%, chưa qua sử dụng. - Thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Nguồn điện hoạt động: Trong khoảng 100-240V, 50Hz hoặc 60Hz. - Môi trường hoạt động: phù hợp với khí hậu Việt Nam.		
II	Cấu hình thiết bị		
	- Máy chính: 01 cái. - Phụ kiện tiêu chuẩn theo máy: + Bình chứa dịch $\geq 5000\text{ml}$: 02 bình. + Bình bẫy chống tràn $\geq 220\text{ml}$: 02 bình. + Bộ lọc chống nhiễm khuẩn: 02 bộ.		

	+ Bộ dây hút chất liệu silicon có thể tiết trùng đường kính 8x14mm, chiều dài $\geq 140\text{cm}$: 02 bộ. + Đầu nối dùng cho ống hút silicon đường kính 10,11,12mm: 02 cái. + Dây nguồn với phích cắm: 01 cái. + Công tắc bàn đạp chân: 01 cái. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ		
III	Đặc tính kỹ thuật		
	1. Tính năng kỹ thuật: - Monitor: loại bơm pittông không dầu. - Điều chỉnh áp lực cực đại: từ $\leq -0.90\text{ Bar}$, $\leq -90\text{ kPa}$, $\leq -675\text{mmHg}$. - Tốc độ lưu thông khí tự do tối đa: $\geq 60\text{ lít/phút}$. - Mức nhiễu ồn: $\leq 51,7\text{ dBA}$. - Chu kỳ hoạt động: liên tục. - Trọng lượng: $\geq 20\text{kg}$. - Kích thước: khoảng 46x85x42 cm		
IV	Yêu cầu khác:		
	- Thời gian bảo hành thiết bị: 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu. - Bảo trì miễn phí trong thời gian bảo hành: 3 tháng/lần. - Thời gian cung cấp thiết bị: trong thời gian 90 ngày. - Nhà thầu lắp đặt; chạy thử; bàn giao; đào tạo; hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo quản thiết bị tại nơi sử dụng. - Cung cấp CO, CQ, Bộ chứng từ nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu khi bàn giao hàng hóa. - Cung cấp bản phân loại trang thiết bị y tế. - Cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế ít nhất 07 năm sau khi hết hạn bảo hành.		
9. MÁY KHOAN XƯƠNG PIN		CÁI	02
I	Thông tin chung		
	- Thiết bị được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%, chưa qua sử dụng. - Thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Nguồn điện cung cấp: Pin.		
II	Cấu hình thiết bị		
	- Tay khoan: 01 cái - Phụ kiện tiêu chuẩn theo máy: + Pin: 02 cái. + Sạc pin: 01 cái + Ống dẫn pin: 01 cái + Khóa: 01 cái + Đầu kẹp Jacob: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ		
III	Đặc tính kỹ thuật		
	1. Thông số kỹ thuật: - Công suất đầu ra: $\geq 85\text{W}$. - Tốc độ: $\geq 1000\text{ vòng/phút}$.		

	- Momen xoắn: ≥ 2.9 Nm. - Pin: ≥ 14.4 V. - Tiếng ồn: ≤ 40 dB. - Nhiệt độ khử trùng: $\geq 135^{\circ}\text{C}$. - Máy có chế độ đảo chiều thuận nghịch. 2. Yêu cầu sử dụng: - Sử dụng cho phẫu thuật kết hợp xương, phẫu thuật đinh nội tủy, phẫu thuật khoan nội soi.		
IV	Yêu cầu khác:		
	- Thời gian bảo hành thiết bị: 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu. - Bảo trì miễn phí trong thời gian bảo hành: 3 tháng/lần. - Thời gian cung cấp thiết bị: trong thời gian 90 ngày. - Nhà thầu lắp đặt; chạy thử; bàn giao; đào tạo; hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo quản thiết bị tại nơi sử dụng. - Cung cấp CO, CQ, Bộ chứng từ nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu khi bàn giao hàng hóa. - Cung cấp bản phân loại trang thiết bị y tế. - Cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế ít nhất 07 năm sau khi hết hạn bảo hành.		
10. MÁY THEO DÕI SPO2 CẦM TAY		CÁI	01
I	Thông tin chung		
	- Thiết bị được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%, chưa qua sử dụng. - Thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Nguồn điện hoạt động: Trong khoảng 100-240V, 50Hz hoặc 60Hz. - Môi trường hoạt động: phù hợp với khí hậu Việt Nam.		
II	Cấu hình thiết bị		
	- Máy chính: 01 cái - Phụ kiện tiêu chuẩn theo máy: + Pin: 01 cái. + Dây Sensor đo SpO2 kẹp ngón tay người lớn: 01 cái + Dây Sensor đo SpO2 kẹp ngón tay trẻ em: 01 cái + Adapter chuyển đổi nguồn: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ		
III	Đặc tính kỹ thuật		
	1. Tính năng chung: - Sử dụng được cho: người lớn, trẻ em và sơ sinh. - Theo dõi ≥ 2 thông số: + Độ bão hòa oxy trong máu SpO2 + Nhịp mạch - Điều chỉnh âm thanh với ≥ 3 mức độ (thấp, cao, tắt) - Màn hình thể hiện: ≥ 2 kiểu (dạng sóng, dạng số) - Hệ thống báo động khi vượt quá giới hạn bằng âm thanh và hình ảnh. 2. Thông số kỹ thuật: - Dải đo độ bão hòa oxy SpO2: $0 - 100\% \pm 2\%$ - Dải đo nhịp mạch: $30 - 254$ nhịp/ phút, ± 2 nhịp/ phút		

	- Thời gian cung cấp thiết bị: trong thời gian 90 ngày. - Cung cấp CO, CQ, Bộ chứng từ nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu khi bàn giao hàng hóa. - Dụng cụ được in logo, mã số dụng cụ.		
12. BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT CHI DƯỚI TẦNG CƯỜNG		BỘ	01
I	Thông tin chung		
	- Sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%, chưa qua sử dụng. - Thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Xuất xứ: Trong nhóm nước G7.		
II	Cấu hình dụng cụ		
	1. Kẹp mang kim, ngàm răng cưa, thẳng, dài 15cm: 01 cái 2. Nhíp phẫu tích ngàm răng cưa, thẳng dài 18cm: 02 cái 3. Kẹp giữ xương có khóa giữ, dài 26cm: 03 cái 4. Kẹp bông băng ngàm có răng cong dài 25cm: 02 cái 5. Kiểm cắt đỉnh dài 23 cm: 01 cái 6. Dụng cụ nạy xương, rộng 33 mm, dài 28cm: 02 cái 7. Dụng cụ nạo xương, lưỡi rộng 16mm, dài 19cm: 01 cái 8. Kéo phẫu tích MAYO, cong, lưỡi lõm, đầu tù/tù, dài 17cm: 01 cái 9. Kẹp mang kim, cán vàng, thẳng, dài 18cm: 01 cái 10. Kéo phẫu tích, cong, đầu tù/tù, dài 18cm: 01 cái 11. Dụng cụ vặn vít, đầu lục giác 4.5 mm, dài 24 cm: 01 cái 12. Nạo xương, dài 21cm: 01 cái 13. Đục xương, cong, lưỡi rộng 12 mm, dài 20cm: 01 cái 14. Đục xương, lưỡi mỏng, rộng 12 mm, dài 20cm: 01 cái 15. Nhíp phẫu tích mô, 1x2 răng, thẳng, dài 18cm: 02 cái 16. Kelly dài 16 cm: 06 cái 17. Kelly dài 18 cm: 04 cái 18. Taro lớn 6.5mm dài 22cm: 01 cái 19. Taro nhỏ 3.5mm dài 16cm: 01 cái 20. Nâng xương, đầu 64mm, dài 25cm: 04 cái 21. Bánh, kích thước lưỡi bánh 75x40mm, dài 23cm: 02 cái 22. Bánh FARABEUF, 2 đầu, dài 21cm: 01 Bộ 23. Kiểm kẹp chỉ thép, ngàm răng cưa, dài 17cm: 01 cái 24. Ống hút, đường kính 10 mm, dài 27cm: 01 cái		
III	Đặc tính kỹ thuật		
	- Vật liệu là thép không gỉ hoặc tương đương		
IV	Yêu cầu khác:		
	- Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu. - Thời gian cung cấp thiết bị: trong thời gian 90 ngày. - Cung cấp CO, CQ, Bộ chứng từ nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu khi bàn giao hàng hóa. - Dụng cụ được in logo, mã số dụng cụ.		

IV	Yêu cầu khác:		
	- Thời gian bảo hành thiết bị: 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu. - Bảo trì miễn phí trong thời gian bảo hành: 3 tháng/lần. - Thời gian cung cấp thiết bị: trong thời gian 90 ngày. - Nhà thầu lắp đặt; chạy thử; bàn giao; đào tạo; hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo quản thiết bị tại nơi sử dụng. - Cung cấp CO, CQ, Bộ chứng từ nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu khi bàn giao hàng hóa. - Cung cấp bản phân loại trang thiết bị y tế. - Cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế ít nhất 07 năm sau khi hết hạn bảo hành.		
11. BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT CHI TRÊN TẦNG CƯỜNG		BỘ	01
I	Thông tin chung		
	- Sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%, chưa qua sử dụng. - Thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Xuất xứ: Trong nhóm nước G7.		
II	Cấu hình dụng cụ		
	1. Kéo phẫu tích MAYO, thẳng, lưỡi lõm, đầu tù/tù, dài 14.5cm: 01 cái 2. Kéo phẫu tích MAYO, cong, lưỡi lõm, đầu tù/tù, dài 17cm: 01 cái 3. Kéo phẫu tích, cong, đầu tù/tù, dài 18cm: 01 cái 4. Nhíp phẫu tích ngàm răng cưa, thẳng, dài 16cm: 02 cái 5. Nhíp phẫu tích mô, 1x2 răng, thẳng, dài 16cm: 02 cái 6. Kelly dài 16cm: 6 cái 7. Kelly dài 18cm: 2 cái 8. Kẹp mạch máu Mosquito, cong, dài 12.5cm: 2 cái 9. Taro lớn 6.5mm, dài 22cm: 01 cái 10. Taro nhỏ 3.5mm, dài 16cm: 01 cái 11. Kẹp bông băng ngàm có răng, cong, dài 25cm: 02 cái 12. Băng hai đầu FARABEUF, dài 15cm: 02 cái 13. Kẹp mang kim, ngàm răng cưa, thẳng, dài 15cm: 01 cái 14. Ống hút loại thẳng, đường kính 10mm, dài 27cm: 01 cái 15. Dụng cụ nạy xương, mũi vuông, rộng 17mm, dài 24cm: 01 cặp 16. Thìa nạo xương, dài 17cm: 01 cái 17. Nao xương, đầu 15mm, dài 19cm: 01 cái 18. Đục xương, lưỡi mỏng, rộng 10 mm, dài 20cm: 01 cái 19. Đục xương, đầu cong, lưỡi rộng 10mm, dài 20cm: 01 cái 20. Kiềm giữ xương, có khóa, dài 21cm: 02 cái 21. Kiềm giữ xương, không khóa, dài 21cm: 01 cái 22. Kiềm cắt đinh dài 23cm: 01 cái 23. Dụng cụ vặn vít, đầu lục giác 3.5mm, dài 24cm: 01 cái		
III	Đặc tính kỹ thuật		
	- Vật liệu là thép không gỉ hoặc tương đương		
IV	Yêu cầu khác:		
	- Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu.		

PHỤ LỤC 02
MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Thông báo số 1387/TB-BV ngày 12 tháng 09 năm 2024 của Bệnh viện Quận 1)



TÊN ĐƠN VỊ/CÔNG TY _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: _____

Quận 1, ngày 12 tháng 09 năm 2024

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Quận 1.

Tên đơn vị chào giá:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Căn cứ thông báo số: ngày .../.../2024 của Bệnh viện Quận 1 và khả năng cung cấp của Đơn vị/Công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý bệnh viện bảng báo giá như sau:

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
	Tổng tiền:				
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)				
	Tổng cộng:				

- Báo giá có hiệu lực: 90 ngày kể từ ngày 23 tháng 09 năm 2024.

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)